

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2022/DS-PT

Ngày: 24-11-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Bà Phùng Thị Cẩm H1

Bà Huỳnh Thị H1 Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị N1, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An. (theo Giấy ủy quyền ngày 10/11/2022).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Minh G, sinh năm 1978.

2. Bà Dương Thị H1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Chung Thị T1, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T2, huyện H2, tỉnh Long An. (theo Giấy ủy quyền ngày 08/11/2022).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

(Bà T1 có mặt; bà N1, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2022 trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H3 trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị N Làm Nghề mua lúa, còn ông Trần Minh G (còn gọi là cò Tèo) làm cò lúa nên cả hai quen biết nhau và đã nhiều lần làm ăn mua bán lúa với nhau. Cụ thể từ ngày 11/01/2021 đến ngày 26/01/2021 hai bên thỏa thuận miệng là ông G nhận tiền cọc từ bà N và ông G sẽ giao lúa cho bà N trong vòng 03 tháng sau khi nhận tiền cọc lúa. Sau khi thỏa thuận xong thì bà N 04 lần đưa tiền cọc lúa cho ông G với tổng số tiền là 1.350.000.000đ, việc đưa tiền này hai bên cũng không làm giấy tờ gì. Khi đến hạn giao lúa thì ông G không có giao lúa cho bà N. Đến ngày 14/02/2022 hai bên ngồi lại thì ông G có làm giấy xác nhận có nhận của bà N số tiền cọc gồm:

- Ngày 14/01/2020: 230.000.000đ

- Ngày 11/01/2021: 120.000.000đ

- Ngày 26/01/2021: 250.000.000đ

- Ngày 26/01/2021: 750.000.000đ

Trong giấy xác nhận thì có bà N ký tên bên A và ông G ký tên bên B. Từ khi hai bên thỏa thuận mua bán, đặt cọc và làm giấy xác nhận nợ thì chỉ có bà N với ông G thực hiện với nhau không có bà H1. Tuy nhiên, lúc đặt cọc lúa có nhiều lần thực hiện ở nhà ông G và sau khi hai bên chốt nợ do ông G không thực hiện việc trả lại số tiền cọc trên thì bà N có nhiều lần đến nhà ông G để yêu cầu trả lại số tiền cọc còn nợ nên bà H1 cũng biết việc này, thêm vào đó ông G đã làm ăn với bà N nhiều năm nay nên việc làm ăn qua lại giữa bà N và ông G thì bà H1 cũng đều biết. Bà H1 là vợ ông G do đó bà N khởi kiện yêu cầu ông G và bà H1 phải liên đới trả cho bà N số tiền cọc lúa còn nợ là 1.350.000.000đ và lãi suất tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu là 200.000.000đ. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu về tiền lãi như sau: $1.350.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 15 tháng 28 ngày$ (từ ngày 26/4/2021 đến ngày xét xử) = 178.533.000đ, nhưng chỉ yêu cầu tiền lãi là 150.000.000đ. Như vậy, bà N yêu cầu ông G và bà H1 phải liên đới trả cho bà N tổng số tiền là 1.500.000.000đồng và trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Minh G có lời khai: Ông G thừa nhận là người làm ăn chung với bà N và có giới thiệu ông T3 để bà N mua lúa. Khi bà N đưa tiền đặt cọc lúa thì ông G chỉ chứng kiến việc bà N đưa tiền cho người bán lúa. Giấy xác nhận ngày 14/02/2022 đúng là ông G có ký tên nhưng do chồng bà N kêu ký vô để làm thủ tục khởi kiện. Khi bà N đưa tiền đặt cọc mua lúa thì bà N không có làm hợp đồng đặt cọc với ông T3 mà ông G là người làm hợp đồng đặt cọc với ông T3, còn việc sau đó ông T3 có giao lúa cho bà N không thì ông không biết. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông G và bà H1 liên đới trả số tiền cọc lúa 1.350.000.000đ và tiền lãi thì ông cũng thừa nhận là còn nợ bà N số tiền 1.350.000.000đ, ông G cũng đồng ý trả nhưng xin được trả dần.

Bị đơn bà Dương Thị H1: đã được Tòa án tổng đạt theo thủ tục tố tụng T3 báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã triệu tập bị đơn tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nhưng bà H1 tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L trình bày: Ông là chồng của bà N. Sự việc ông G có nhận số tiền đặt cọc lúa từ bà N rất nhiều lần nhưng sau đó không giao lúa cho bà N ông có biết việc này. Bà N làm nghề mua lúa và ông G (tức Cò Tèo) đã làm ăn chung với bà N nhiều năm nay. Ngày 14/02/2022 ông G có làm giấy xác nhận số tiền cọc còn nợ bà N là 1.350.000.000đ thì ông cũng có chứng kiến nhưng là do ông và bà N đến yêu cầu ông G trả số tiền cọc lúa còn nợ, ông G chưa trả tiền nên tự nguyện ký xác nhận chứ bản thân ông không có cưỡng ép ông G. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông G và bà H1 cùng liên đới trả số tiền cọc còn nợ 1.350.000.000đ và tiền lãi ông cũng thống nhất với yêu cầu này của bà N. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Minh G và bà Dương Thị H1

Buộc ông Trần Minh G và bà Dương Thị H1 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền đặt cọc mua lúa 1.350.000.000đ và tiền lãi 150.000.000đ, tổng cộng 1.500.000.000đ (Một tỉ năm trăm triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị N, nếu chậm thi hành, ông Trần Minh G và bà Dương Thị H1 còn phải liên đới trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 23/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị; bị đơn thống nhất với kháng nghị của Viện kiểm sát; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 14/11/2022 bà Trần Thị N1 trình bày: Bà N và ông G làm ăn chung với nhau và hai bên thỏa thuận miệng về đặt cọc tiền mua lúa vụ đông xuân 2020 - 2021. Bà N có đưa 04 lần tiền cọc cho ông G với tổng số là 1.350.000.000đ, khi đưa tiền thì không làm giấy tờ gì. Đến hạn giao lúa ông G không có lúa giao nên hai bên ngồi lại và ký giấy xác nhận nợ với nội dung ông G nhận tiền cọc của bà N để giao cho ông Huỳnh Văn T3 nhưng thực chất không có ông T3 nào hết, do ông G kêu đưa ông T3 vào để kiện ông T3. Vì vậy kháng nghị là không có căn cứ, kéo dài thời gian ông G sẽ tẩu tán tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Chung Thị T1 trình bày: Bà N và ông G làm ăn chung với nhau đã 10 năm và ông G có giới thiệu ông Huỳnh Văn T3 cho bà N, việc đặt cọc mua lúa của các hộ dân do bà N và ông T3 thực hiện với nhau chứ ông G không biết. Bà N có nhờ ông G ký giấy xác nhận nợ để bà N kiện ông T3, vì tin tưởng và kém hiểu biết pháp luật nên ông G đã ký giấy xác nhận nợ cho bà N. Do không hiểu biết nên ông G không kháng cáo, nay bà T1 thống nhất với kháng nghị yêu cầu đưa ông T3 vào tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng nghị: Quyết định kháng nghị làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng nghị:

Tại giấy xác nhận ngày 14/02/2022 có nội dung ông G nhận tiền cọc của bà N để đưa cho ông T3 đặt cọc bao tiêu mua lúa đông xuân vụ mùa 2020 – 2021. Quá trình giải quyết vụ án ông G khai chỉ chứng kiến việc bà N đưa tiền cọc cho ông T3 chứ không nhận tiền cọc trực tiếp từ bà N, ông G ký tên vào Giấy xác nhận là do CH1 bà N kêu ký vô để làm thủ tục khởi kiện ông T3. Lẽ ra cấp sơ thẩm phải đưa ông T3 tham gia tố tụng để xác định ông T3 có ký hợp đồng mua bán lúa và nhận tiền cọc từ ông G không, xác định bà N hay ông G là người đưa tiền cọc cho ông T3, ai là người có trách nhiệm giao lúa cho bà N. Trong khi giữa bà N và ông G không có thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc đặt cọc mua bán lúa nên không thể cho rằng ông G vi phạm nghĩa vụ trả

tiền từ ngày 26/4/2021 theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự để buộc trả lãi.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án huyện H để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Tại giấy xác nhận ngày 14/02/2022 có nội dung ông G nhận tiền cọc 1.350.000.000đ của bà N để đưa cho ông T3 đặt cọc bao tiêu mua lúa đông xuân vụ mùa 2020 – 2021. Quá trình giải quyết vụ án ông G khai chỉ chứng kiến việc bà N đưa tiền cọc cho ông T3 chứ không nhận tiền cọc trực tiếp từ bà N, ông G ký tên vào Giấy xác nhận là do CH1 bà N kêu ký vô để làm thủ tục khởi kiện ông T3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2022 của Tòa án đối với ông Huỳnh Văn T3 thì ông T3 thừa nhận ông có giao dịch mua bán lúa với bà N do ông G làm đại diện cho bà N và ông T3 có nhận tiền cọc như trên, ông T3 đã đưa tiền cọc mua bán lúa cho các hộ dân là 930 triệu đồng còn lại 420 triệu đồng ông T3 đồng ý trả lại cho bà N. Tại 04 hợp đồng mua bán (bao tiêu) nếp (lúa) tươi niên vụ 2020 – 2021 thể hiện đại diện bên mua, bên bán là ông G và ông T3, như vậy ông G và ông T3 chỉ là người đại diện của bên mua và bên bán hay chính là bên mua và bên bán. Trong khi giữa bà N và ông G không có thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc đặt cọc mua bán lúa nên chưa đủ cơ sở cho rằng ông G vi phạm thỏa thuận đặt cọc.

[5] Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa ông T3 tham gia tố tụng để xác định ông T3 có phải là người giao kết hợp đồng đặt cọc, hợp đồng mua bán lúa và nhận tiền cọc từ ông G hay bà N, quyền và nghĩa vụ của ba bên là như thế nào, ai vi phạm hợp đồng đặt cọc, hợp đồng mua bán lúa, từ đó mới xác định được trách nhiệm của mỗi bên. Sau khi làm rõ trách nhiệm các bên mà bà N chỉ khởi kiện ông G yêu cầu trả tiền cọc và tiền lãi (không yêu cầu phạt cọc) và ông G cũng tự nguyện chịu thì mới tuyên xử như bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, khi chưa đưa ông T3 tham gia tố tụng, chưa làm rõ trách nhiệm các bên nhưng cấp sơ thẩm xử buộc ông G trả tiền cọc và tiền lãi là không khách quan, không đúng nội dung vụ việc.

[6] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên Hội đồng xét xử cần phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án như yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm, tiền tạm ứng án phí sơ thẩm được Tòa án cấp sơ thẩm xử lý khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

1. Hủy Bản án sơ thẩm dân sự số 24/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

Giao hồ sơ vụ án giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N với bị đơn là ông Trần Minh G về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc

Nơi nhận:

- . TAND huyện;
- . TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- . VKSND tỉnh Long An;
- . Chi cục THADS huyện;
- . Đương sự;
- . Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc